

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/KDTM-ST
Ngày: 22/11/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Lê;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 78/2022/TLST-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T; địa chỉ: Số 26-27 Lô I đường Đ, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Tuấn M, sinh năm 1989 và bà Nguyễn Thị Lê V, sinh năm 1997. Cùng địa chỉ liên hệ: Số 26 – 27, Lô I, đường Đ, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 30/5/2022); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty D; địa chỉ trụ sở: Số 271, khu phố 4, đường M, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1974 – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/3/2017, Công ty T và Công ty D ký hợp đồng mua bán số 06B/HĐMB2017 về việc Công ty T cung cấp bê tông trộn sẵn cho công trình xây dựng của Công ty D tại Trường Trần Quốc Toàn, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An (nay là thành phố Thuận An), tỉnh Bình Dương. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký (ngày 01/3/2017) cho đến ngày 31/12/2017. Công ty T cung cấp khối lượng bê tông trộn sẵn cho công trình xây dựng của Công ty D tại Trường Trần Quốc Toàn từ ngày 03/3/2017 đến ngày 05/3/2017 (cụ thể: ngày 03/3/2017, giao tổng 04 chuyến, với tổng khối lượng bê tông giao là 23,5m³ và ngày 05/3/2017, giao tổng 04 chuyến, với tổng khối lượng bê tông giao là 24m³) và Công ty D đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T đối với công trình tại Trường Trần Quốc Toàn. Công ty T vẫn tiếp tục duy trì việc cung cấp bê tông trộn sẵn cho công trình xây dựng của Công ty D tại Bệnh viện Tâm thần Phú Chánh; địa chỉ: khu phố Phú Thọ, phường Phú Chánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mà không ký hợp đồng khác. Trong 02 ngày là ngày 02/8/2017 và ngày 16/8/2017, tổng giá trị khối lượng bê tông mà Công ty T cung cấp cho Công ty D tại công trình Bệnh viện tâm thần Phú Chánh là 328.049.876 đồng, được thể hiện tại các hóa đơn giá trị gia tăng số 0008408 ngày 15/8/2017; số 0008971 ngày 31/8/2017 và số 0008972 ngày 31/8/2017. Tuy nhiên, Công ty D mới chỉ thanh toán cho Công ty T số tiền 160.090.000 đồng và còn nợ 167.959.876 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Công ty D có nghĩa vụ thanh tiền gốc là 167.959.876 đồng và tiền lãi phát sinh với lãi suất 0,75%/tháng, kể từ tháng 31/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 114.533.855 đồng; tổng cộng là 282.493.731 đồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty D theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty D không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Công văn số 39/ĐKKD ngày 18/02/2021 và số 176/ĐKKD ngày 18/5/2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty D (đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 04/12/2019) xác định Công ty D đăng ký địa chỉ trụ sở chính tại Số 271 đường M, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Công ty D chưa thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, chia tách, sáp nhập, giải thể.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Do chưa đủ xác định Công ty D có thi công tại công trình Bệnh viện Tâm thần Phú Chánh, thị xã Tân Uyên nên Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án tạm ngưng phiên tòa để xác minh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình

Dương là chủ đầu tư xây dựng Bệnh viện Tâm thần Phú Chánh, thị xã Tân Uyên về việc có hay không Công ty D tham gia thi công xây dựng tại công trình này nên Viện kiểm sát chưa phát biểu về nội dung quan điểm về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty D thanh toán nghĩa vụ theo hợp đồng mua bán với số tiền 167.959.876 đồng. Như vậy, quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty T cung cấp bê tông trộn sẵn cho công trình xây dựng của Công ty D tại Bệnh viện tâm thần Phú Chánh; địa chỉ: Khu phố Phú Thọ, phường Phú Chánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; nguyên đơn lựa chọn khởi kiện Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tố tụng, Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty D không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn Công ty D đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Đại diện nguyên đơn Công ty T yêu cầu bị đơn Công ty D thanh toán tiền gốc 167.959.876 đồng và tiền lãi phát sinh với lãi suất 0,75%/tháng, kể từ tháng 31/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 114.533.855 đồng; tổng cộng là 282.493.731 đồng.

[2.1] Đối với yêu cầu về nợ gốc: Xét thấy, giữa Công ty T và Công ty D có ký Hợp đồng mua bán số 06B/HĐMB2017 ngày 01/3/2017. Công ty T cung cấp khối lượng bê tông trộn sẵn cho công trình xây dựng của Công ty D tại Trường Trần Quốc Toàn từ ngày 03/3/2017 đến ngày 05/3/2017 và Công ty D đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T đối với công trình tại Trường Trần Quốc Toàn. Sau đó, Công ty T vẫn tiếp tục duy trì việc cung cấp bê tông trộn sẵn cho công trình xây dựng của Công ty D tại Bệnh viện Tâm thần Phú Chánh; địa chỉ: Khu phố Phú Thọ, phường Phú Chánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mà không ký hợp đồng khác. Trong 02 ngày là ngày 02/8/2017 và ngày 16/8/2017, tổng giá trị khối lượng bê tông mà Công ty T cung cấp cho Công ty D tại công trình Bệnh viện tâm thần Phú Chánh là 328.049.876 đồng, được cụ thể tại các Phiếu giao nhận bê tông và các Hóa đơn giá trị gia tăng số

0008408 ngày 15/8/2017; số 0008971 ngày 31/8/2017 và số 0008972 ngày 31/8/2017. Ngày 16/8/2017, Công ty D đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty T số tiền 90.000.000 đồng và ngày 27/10/2017, Công ty D tiếp tục chuyển khoản thanh toán cho Công ty T số tiền 70.000.000 đồng; tổng số tiền Công ty D đã thanh toán cho Công ty T là 160.090.000 đồng và còn nợ số tiền gốc là 167.959.876 đồng. Bị đơn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại năm 2005. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 167.959.876 đồng là có cơ sở.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,75%/tháng, kể từ tháng 31/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 114.533.855 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

Theo khoản 1 Điều 55 của Luật Thương mại quy định về thời hạn thanh toán như sau:

“Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, thời hạn thanh toán được quy định như sau:

1. Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa ...”.

Theo Điều 306 của Luật Thương mại quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán như sau: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các khoản chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.*

Theo kết quả xác minh tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thị xã Tân Uyên, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Phòng Giao dịch thị xã Tân Uyên và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam (BIDV) – Phòng giao dịch thị xã Tân Uyên thì mức lãi suất cho vay trung hạn và dài hạn là từ 9% - 11%/năm.

Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,75%/tháng, kể từ tháng 31/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 114.533.855 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Từ sự phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 282.493.731 đồng.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30; khoản 1 Điều 35 ; điểm g khoản 1 Điều 40; các điều 147, 228, 229, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các điều 24, 50, 55, 306 và 319 của Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn Công D về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty D có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T tổng số tiền 282.493.731 đồng (*Hai trăm tám mươi hai triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi một đồng*); bao gồm tiền nợ là 167.959.876 và tiền lãi chậm thanh toán là 114.533.855 đồng.

Khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty D phải chịu số tiền 14.124.000 đồng (*Mười bốn triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng*).

2.2. Trả lại Công ty T số tiền 6.693.000 đồng (*Sáu triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0050846 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

3.1 Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

3.2 Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

Võ Thị Lê